TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HSST
Ngày: 28/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bạch Quảng và bà Ngô Thị Thao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Phan Đăng V; sinh năm 1988 tại Tây Ninh; Nơi ĐKNKTT: Ấ p T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Không có nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Đ ă ng H và bà Nguyễn Thị S; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị bắt ngày 25/12/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn A, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.Vắng mặt.

Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thu H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Phan Đăng V và Lê Văn T có mối quan hệ bạn bè, quen biết với nhau.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 26/12/2016 khi T đang ở nhà thì V gọi điện thoại rủ T đến nhà Nguyễn Đình C để đi chơi (C là bạn của V), T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 81T4-3240 đến nhà C. Tại đây, V nói T để xe mô tô biển số 81T4-3240 ở nhà C, còn V mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen-vàng biển số 81C1-050.69 của anh C để đi công việc, C đồng ý. Sau đó, T điều khiển mô tô biển số 81C1-050.69 chở V đi dạo. Khi đi đến đoạn đường N thuộc phường T, thành phố P, V nói với T: *"Không có tiền tiêu tết, không có tiền về nhà"*, *"Đi lấy đồ của người ta, cứ chạy đi"*. Nghe vậy, T hiểu ý V rủ đi cướp giật tài sản của người đi đường nên T đồng ý và tiếp tục chở V đi. Khi đi đến tiệm tạp hóa của chị Đỗ Thị Phương Y (ở số C đường T thuộc Tổ A, phường T, thành phố P), V nói T dừng xe lại để V xuống mua 01 cuộn băng keo màu đen và dán kín biển số xe mô tô 81C1-050.69. Sau đó T tiếp tục điều khiển xe mô tô đi tìm người cơ hội để cướp giật tài sản. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, khi T chở V đi đến trước số nhà B đường L thuộc Tổ H, phường T, thành phố P, V nhìn thấy chị Nguyễn Thu H1 điều khiển xe mô tô biển số 81T3 - 2743 chở chị Nguyễn Thị Hồng N đang lưu thông phía trước cùng chiều, chị N đang cầm 01 túi xách màu đen. V nói T: "*Tấp sát vô"*. Nghe vậy, T liền điều khiển xe mô tô chạy sát bên trái xe mô tô của chị N để V giật túi xách. Lúc này, do chị N đang nắm chặt túi xách, nên khi V giật túi xách làm xe mô tô do chị H1 điều khiển va chạm với xe mô tô của T nên chị H1 cùng xe ngã xuống đường, xe mô tô do T điều khiển bị rơi biển số 81C1-050.69 ra tại hiện trường. Sau khi giật được túi xách, Tân tăng ga chở V chạy thoát. Khi đến khu vực chợ T1 phường T, thành phố P thì dừng xe lại. V mở túi xách kiểm tra thấy bên trong có một chiếc điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 530, màu trắng, V lấy cất vào túi quần, còn túi xách thì V đưa cho T cất giữ. Sau đó, T chở V đến nhà của C để lấy xe của T, nhưng không gặp, nên cả hai điều khiển 02 xe mô tô trên đến tiệm I ở làng C, phường T tìm C, nhưng không có, nên V để xe mô tô biển số 81C1-050.69 tại quán I1. T chở V đến tiệm I2 ở làng C, phường T để V vào tiệm Internet, còn T điều khiển xe mô tô biển số 81T4-3240 đi về nhà. Đến ngày 27/12/2016, T hỏi C có biết chị N không thì C nói biết chị N, nên T nhờ C dẫn đến nhà chị N và trả lại túi xách và xin lại chiếc biển số 81C1-050.69, nhưng chị N không đồng ý. Ngày 28/12/2016, chị N đến Công an thành phố P trình báo và giao nộp 01 biển số xe 81C1-050.69 cùng 01 túi xách bằng da màu đen kích thước (10x20)cm, dây đeo màu đen. Đến ngày 05/01/2017, Lê Văn T đến Công an thành phố P đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động Nokia 1200 mà T đã sử dụng để liên lạc với V cùng với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn T. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ xe mô tô biển số 81C1-050.69 do anh H2 giao nộp. Đến ngày 25/12/2023, Phan Đăng V bị bắt theo Lệnh truy nã và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 11/01/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố P, kết luận: "01 túi xách bằng da màu đen kích thước (10x20)cm,dây đeo màu đen, mua từ tháng 10/2016, đã qua sử dụng đến ngày 26/12/2016 bị chiếm đoạt, đã thu hồi được, có giá trị là 120.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu N1 530, vỏ màu trắng, mua từ năm 2015, sử dụng đến ngày 26/12/2016 bị chiếm đoạt, có giá trị là 700.000 đồng".

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81C1-050.69 cùng vật chứng của vụ án và các vấn đề dân sự, cũng như những người liên quan đến vụ án đã được giải quyết xong tại bản án số 142/2017/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

Đối với chiếc điện thoại di động di động hiệu Nokia Lumia 530, vỏ màu trắng mà V cùng với T cướp giật của chị Nguyễn Thị Hồng N, sau đó V cất giữ để sử dụng. Quá trình sử dụng điện thoại bi hư hỏng không sử dụng được nữa nên V đã vứt đi không rõ ở đâu, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại Bản Cáo trạng số 106/CT-VKS ngày 19/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố bị cáo Phan Đăng V ra trước Tòa để xét xử về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Đăng V; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án tù từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, tính từ ngày bị tạm giữ 25/12/2023;

Bị cáo Phan Đăng V thừa nhận toàn nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố đúng như diễn biến quá trình thực hiện tội phạm của mình, không có ý kiến tranh luận gì về mức hình phạt cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã đề nghị;

Nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo sẽ tích cực cải tạo thật tốt để sớm được trở về làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 21 giờ ngày 26/12/2016, tại trước số nhà B đường L, thuộc Tổ H, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Phan Đăng V và Lê Văn T đã cùng nhau sử dụng xe mô tô

thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn giật lấy túi xách của chị Nguyễn Thị Hồng N đang cùng bạn di chuyển trên đường bằng xe mô tô rồi nhanh chóng tẩu thoát. Tài sản mà T và V chiếm đoạt của chị N là 01 túi xách bằng da màu đen kích thước (10x20) cm có dây đeo màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia 530 màu trắng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 11/01/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố P, kết luận: "01 túi xách bằng da màu đen kích thước (10x20)cm, dây đeo màu đen, mua từ tháng 10/2016, đã qua sử dụng đến ngày 26/12/2016 bị chiếm đoạt, đã thu hồi được, có giá trị là 120.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu N1 530, vỏ màu trắng, mua từ năm 2015, sử dụng đến ngày 26/12/2016 bị chiếm đoạt, có giá trị là 700.000 đồng". Tổng giá trị tài sản mà V cùng đồng phạm chiếm đoạt là 820.000 đồng.

[3]. Hành vi dùng xe mô tô giật lấy tài sản của người đi đường rồi nhanh chóng tẩu thoát của Lê Văn T và Phan Đăng V là thủ đoạn nguy hiểm, đã xâm phạm vào quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, nên đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009, đúng như Cáo trạng của Viên kiểm sát đã truy tố.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng chỉ mang tính giản đơn, trong đó bị can Phan Đăng V là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp cùng đồng phạm thực hiện tội phạm.

Đối với Lê Văn T, sau khi phạm tội đã đầu thú, bồi thường cho người bị hại và đã được xử lý tại Bản án số 142/2017/HS-ST ngày 27/9/2017 với mức án 42 tháng tù.

Đối với Phan Đăng V, sau khi phạm tội đã bỏ trốn, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và bị bắt vào ngày 25/12/2023 theo Lệnh truy nã. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo tiến bộ và đồng thời cũng để răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội, ăn năn hối cải, nên sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 1 của Bộ luật hình sự năm 2017 khi quyết định mức hình phạt cho bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng đã được xử lý tại Bản án số 142/1027/HS-ST ngày 27/9/2017, nên không xem xét trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án này là Lê Văn T, đã bồi thường cho người bị hại thay cho bị cáo Phan Đăng V, không có ý kiến, yêu cầu gì nên không xem xét.

[4] Về vật chứng vụ án: Vật chứng đã được xử lý trong bản án số 142/2017/HS-ST

ngày 27/9/2017.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Đăng V phạm tội "Cướp giật tài sản"

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên xử:

Phạt bị cáo Phan Đăng V 04 (Bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 25/12/2023.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phan Đăng V phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo; người bại hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tống hợp lệ, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia lai;
- VKS TP Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- THADS Tp.Pleiku;
- Bị cáo;
- Lưu hs.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nhơn